

Số: /CTr-UBND

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-TW và Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 27/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị, UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết nêu trên với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh nhằm tiếp tục quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Chương trình hành động được xây dựng trên cơ sở bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp đã được nêu trong Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ và Nghị quyết số 27-NQ/TU, ngày 27/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; cụ thể hóa thành những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chung để thực hiện trong cả thời kỳ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, gắn với biện pháp tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu của các Nghị quyết đã đề ra. Chương trình hành động là cơ sở để tiếp tục xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động chi tiết, gắn với kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ, giải pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, UBND các cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

3. Chương trình hành động thể hiện vai trò định hướng, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; có sự tham gia đóng góp tích cực, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân với quyết tâm phấn đấu để sớm đạt được các mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chương trình hành động đưa ra các chủ trương, định hướng có tính đột phá, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; phát huy được nội lực, đồng thời mở rộng mối quan hệ hợp tác, liên kết trong nước, quốc tế; đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng Sông Hồng với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển tỉnh Hải Dương thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030, hướng đến là thành phố trực thuộc Trung ương, thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu về quy mô kinh tế của cả nước; với cơ cấu kinh tế hợp lý, dựa trên cơ sở phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, nông nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ chất lượng cao; bộ mặt nông thôn thông minh, văn minh; đô thị xanh, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc và phát triển bền vững. Tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường; công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu được bảo đảm; quốc phòng - an ninh được giữ vững; tăng cường liên kết, hợp tác trong vùng, với các vùng trong nước và nước ngoài.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Tăng trưởng GRDP bình quân trên 9%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 là: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 4,8%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 58,4%; dịch vụ chiếm 31,2% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,6%; GRDP bình quân đầu người đạt 200 triệu đồng/người/năm; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt 8,5%; tỷ lệ đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 đạt 50%; kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP; tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 60%; có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non trên 90%; Tiểu học 100%; trung học cơ sở trên 95%; Trung học phổ thông trên 90%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030 đạt 48%, tỷ lệ thất nghiệp dưới

3%; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm khoảng 1,5%/năm; đạt 40,5 giường bệnh và 11 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 99%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị và nông thôn đạt 100%; 100% khu công nghiệp và 100% các cụm công nghiệp (có chủ đầu tư hạ tầng) đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%; giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính.

- Đầu tư đảm bảo tối thiểu hoàn thành việc thông tuyến đường vành đai V đối với đoạn qua địa bàn tỉnh Hải Dương; hình thành khu công nghiệp chuyên biệt ở khu vực các huyện Bình Giang, Thanh Miện; đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, cơ sở vững mạnh toàn diện; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, phấn đấu đạt các tiêu chí của thành phố trực thuộc Trung ương, có quy mô kinh tế lớn, cơ cấu kinh tế phù hợp, khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; giữ gìn, phát huy di sản văn hóa, bản sắc con người xứ Đông; là trung tâm công nghiệp động lực của vùng đồng bằng Sông Hồng; đảm nhiệm vai trò đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội giữa các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc với vùng Đông Bắc, vùng duyên hải Bắc Bộ và cả nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị Quyết

- Tập trung triển khai ngay công tác quán triệt, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến đầy đủ nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ, Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 27/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của các Nghị quyết; những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, những công việc các cấp ủy đảng, chính quyền phải tiến hành để tham gia liên kết, liên kết vùng trở thành tư duy chủ đạo dẫn dắt sự phát triển toàn vùng và từng địa phương trong vùng.

- Công tác tuyên truyền cần được tiến hành với quy mô sâu rộng, với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và

phù hợp với từng đối tượng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như những yếu tố tiềm năng, lợi thế, vị thế của vùng và của tỉnh để tiếp tục tạo ra phát triển bứt phá trong những năm tới.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả, cụ thể hóa các Nghị quyết, chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII đã đề ra; rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách và mô hình quản lý theo định hướng phát triển của vùng và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch của tỉnh trong việc triển khai thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Chủ động nghiên cứu, tham mưu, đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền, đảm bảo chất lượng đề chi tiết, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách phát triển vùng; thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế xã hội, ngân sách, quốc phòng an ninh; các biện pháp có tính chất đặc thù của tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước, trong đó có công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch và thực hiện các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Đẩy nhanh tiến độ thẩm định và trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; kết nối chặt chẽ với quy hoạch các địa phương khác nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong liên kết vùng; tổ chức không gian phát triển bảo đảm cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển các hành lang kinh tế; có sự liên kết giữa vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội; hình thành các vùng động lực và các khu vực phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp; phát triển dịch vụ logistics. Phát triển các chuỗi đô thị hiện đại gắn với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông đồng bộ, kết nối giữa các cực tăng trưởng trong vùng, nội vùng, liên vùng, các đầu mối trung tâm kinh tế để phát triển vận tải đa phương thức thông qua mạng lưới đường bộ cao tốc, đường sắt, đường thủy nội địa. Tiếp tục làm tốt công tác rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch, gắn sử dụng đất phù hợp với không gian phát triển của tỉnh và của vùng đồng bằng Sông Hồng; lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực, dự án ưu tiên để đầu tư phát triển.

- Phối hợp rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật, các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh các liên kết giữa các địa phương trong vùng và liên vùng để phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, kết cấu hạ tầng

kinh tế - xã hội, đô thị, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững tài nguyên, đất đai, nguồn nước. Rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách để đáp ứng tốt hơn các điều kiện đặc thù cho vùng và tạo phát triển đột phá. Phối hợp nghiên cứu, xây dựng thể chế điều phối vùng đủ mạnh để đảm bảo hiệu quả điều phối, liên kết vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường liên tỉnh, phát triển các cụm liên kết ngành về môi trường. Tiếp tục cụ thể hóa nội dung hợp tác với các tỉnh giáp ranh và thành phố Hà Nội.

3. Phát triển kinh tế vùng

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp; phát huy vai trò, vị thế của tỉnh trong khu vực động lực của vùng. Hình thành, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình kinh tế mới. Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 để thu hút đầu tư có chọn lọc, tạo sự liên kết theo chuỗi giá trị; khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, thủ tục đầu tư đối với từng loại dự án đầu tư vào tỉnh.

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ít phát thải khí nhà kính, có khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng cao, tham gia sâu, toàn diện vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại, có lợi thế như công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, ô tô, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mới như chip, bán dẫn, robot, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới. Thúc đẩy phát triển vành đai công nghiệp, hình thành các cụm liên kết ngành và khu kinh tế chuyên biệt.

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, sinh thái theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đa dạng theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Tập trung phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh quy mô lớn, chất lượng cao như lúa, rau, hoa, quả đặc sản; phát triển mạnh chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm chủ lực

như lợn, bò, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu. Thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp; hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng rừng đặc dụng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa. Bảo vệ, giữ gìn môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

- Phát triển các loại hình dịch vụ gắn kết chặt chẽ với mục tiêu phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại của khu vực. Tập trung phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế và đa dạng loại hình dịch vụ; cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính, tiền tệ, bảo đảm minh bạch, bền vững, hội nhập, an toàn hệ thống. Chuyển đổi số toàn diện hệ thống ngân hàng, phát triển các mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích. Đầu tư phát triển hệ thống logistics, chợ đầu mối hiện đại, thông minh, bền vững; đẩy mạnh thương mại điện tử; hình thành các sàn giao dịch hàng hóa và các cụm, khu vực hội chợ triển lãm. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chủ động các biện pháp phòng vệ phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế, bảo đảm cân bằng cán cân xuất nhập khẩu.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với sản phẩm đa dạng, độc đáo, gắn với phát huy giá trị của nền văn minh Sông Hồng; chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch; tiếp tục đầu tư phát triển các khu du lịch của tỉnh; liên kết, gắn kết và khai thác tốt các tuyến du lịch trong vùng.

4. Phát triển bền vững hệ thống đô thị và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 19/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung phát triển hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững theo mạng lưới, phân bổ hợp lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất để góp phần đưa đồng bằng Sông Hồng trở thành vùng đô thị lớn, có tỷ lệ đô thị hóa cao và chất lượng sống tốt, ngang bằng với các đô thị lớn trong khu vực và là đầu mối kết nối với các đô thị lớn trong nước và quốc tế. Chú trọng xây dựng và

phát triển các đô thị xanh, thông minh hiện đại, hạ tầng đồng bộ, bền vững; đảm bảo đô thị có nhiều công trình kiến trúc điểm nhấn, nhiều không gian công cộng, công viên, cây xanh... để nâng cao chất lượng sống của người dân. Khuyến khích xây dựng nhà cao tầng, tăng diện tích cây xanh, đất giao thông, đất xây dựng hạ tầng xã hội ở các khu dân cư, đô thị mới. Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải tập trung cho các đô thị và khu vực trên địa bàn tỉnh, góp phần cải tạo môi trường sống của nhân dân.

- Hoàn thiện các tiêu chí phát triển đô thị; tập trung cải tạo chỉnh trang khu trung tâm thành phố Hải Dương, đồng thời mở rộng không gian phát triển đô thị hai bên bờ sông Thái Bình, sông Sắt. Tập trung phát triển thành phố Hải Dương, thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại. Phát triển các đô thị để đến năm 2030, tỉnh Hải Dương có khoảng 24 đô thị, với: 01 đô thị loại I (thành phố Hải Dương); 01 đô thị loại II (thành phố Chí Linh); 01 đô thị loại III (thành phố Kinh Môn - được nâng cấp từ thị xã Kinh Môn); 07 đô thị loại IV (gồm: Đô thị Bình Giang, các thị trấn: Lai Cách (mở rộng), Gia Lộc (mở rộng), Nam Sách (mở rộng), Phú Thái (mở rộng), Thanh Miện (mở rộng), Ninh Giang (mở rộng); 14 đô thị loại V, trong đó có: 8 đô thị loại V đã được công nhận trước năm 2025 và 6 đô thị mới được thành lập trên cơ sở nâng cấp các xã nông thôn có điều kiện kinh tế xã hội, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phát triển, gồm các đô thị: Lương Điền (huyện Cẩm Giàng); Đông Cẩm (huyện Kim Thành); Minh Tân (huyện Nam Sách); Tứ Cường (huyện Thanh Miện), Quang Minh (huyện Gia Lộc), Cộng Hòa (huyện Kim Thành).

- Phối hợp để triển khai hiệu quả xây dựng Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân, động lực của các đô thị trong vùng; hình thành trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển trung tâm hành chính tỉnh, tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị. Tập trung cải tạo, có chính sách đủ mạnh thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội, xây dựng các thiết chế văn hóa, nhất là tại các khu vực có công nghiệp phát triển nhanh, thu hút nhiều lao động.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đa dạng hóa các nguồn lực và hình thức đầu tư, chú trọng hình thức đối tác công - tư. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình động lực, có tính lan tỏa, kết nối vùng. Tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, nhất là hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, IoT... Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các công trình văn hóa, thể thao, du lịch. Chú trọng đầu tư các công trình thu gom, xử lý rác thải, nước

thải, chống úng, ngập. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, nhất là các tuyến đê cấp III, cấp đặc biệt thuộc hệ thống sông Thái Bình; chú trọng đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên kết vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế của tỉnh trong vùng để kết nối với khu cảng biển, cảng hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các hành lang kết nối của vùng. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành một số công trình giao thông trọng điểm có tính liên kết vùng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai, các trục hướng tâm, hệ thống giao thông tỉnh; phối hợp đầu tư các tuyến đường sắt kết nối với các tỉnh, thành phố trong vùng. Đến năm 2030 hoàn thành tuyến đường vành đai 5 vùng Thủ đô đi qua địa bàn tỉnh; hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc kết nối vùng theo quy hoạch; cải tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, kết nối thông suốt tuyến đường sắt liên vận đạt tiêu chuẩn quốc tế; phối hợp hoàn thành các tuyến đường sắt đi qua địa bàn tỉnh gồm tuyến Yên Viên - Phủ Lại - Hạ Long - Cái Lân; tuyến Hà Nội - Hải Phòng (thuộc tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng); cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Phát triển Hải Dương trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 26/3/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số; thực hiện tốt nội dung phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số; tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ có trình độ tiên tiến ở một số lĩnh vực có thể mạnh đạt trình độ quốc tế, thực sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh. Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ; có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong tỉnh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao năng lực quản lý các cấp.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng nghiên

cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của địa phương; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ. củng cố, xây dựng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức, hình thành mạng lưới các tổ chức có khả năng tiếp nhận, hỗ trợ, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại, gắn kết chặt chẽ với giáo dục - đào tạo, sản xuất - kinh doanh. Có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp trích lập, sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường đại học, cơ sở nghiên cứu.

- Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thông tin khoa học và công nghệ, hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực nông nghiệp, nông thôn, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, các tổ chức ứng dụng, dịch vụ khoa học kỹ thuật. Đối với ngành nông nghiệp, cần hiện đại hóa công cụ sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ số và canh tác sinh thái, phát triển bền vững, đảm bảo khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Đối với ngành công nghiệp, ưu tiên của tỉnh là thành lập Trung tâm nghiên cứu và phát triển qui mô cấp vùng và tích cực đẩy mạnh chuyển giao công nghệ giữa FDI, OEMs có vốn đầu tư nước ngoài và OEMs nội địa. Đối với ngành thương mại - dịch vụ, cần thúc đẩy các giải pháp kinh tế số nói chung, đặc biệt là thương mại điện tử nói riêng. Tổ chức các chương trình phổ cập, khuyến khích tham gia vào các hoạt động thương mại điện tử; cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phát triển trên các nền tảng, trang web thương mại điện tử; cung cấp thông tin, kết nối các cá nhân, doanh nhân với đội ngũ chuyên gia.

- Tham gia phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, thúc đẩy kết nối chuỗi giá trị trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, trong đó các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp công nghệ số giữ vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò kiến tạo môi trường thể chế; hình thành và phát triển hệ sinh thái khoa học công nghệ cho nghiên cứu, phát triển và sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu.

- Đảm bảo tỷ lệ chi cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Xây dựng cơ chế, chính

sách về đầu tư, tài chính, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm chủ lực. Khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, huy động vốn đầu tư, các nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn.

6. Phát triển giáo dục, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo về nội dung, chương trình giáo dục, về phương thức dạy và học, về đánh giá chất lượng giáo dục; nhất là, chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện phổ cập giáo dục, đảm bảo về số lượng và nâng cao về chất lượng. Giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng học sinh giỏi; nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh. Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới giáo dục và đào tạo theo chủ trương thu gọn các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, gắn với thực hiện tốt mục tiêu xây dựng xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hóa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, triển khai thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học. Cơ cấu lại, củng cố và nâng cao chất lượng mạng lưới các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư, chăm lo cho giáo dục và đào tạo. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện các giải pháp đột phá trong phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, trong đó tập trung vào ba lĩnh vực ưu tiên đó là: gia tăng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo; phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, tập trung vào ngành kỹ thuật, công nghệ thông tin; thu hút nhân tài cấp quản lý, chuyên gia nghiên cứu và cộng đồng khởi nghiệp.

Tổ chức thực hiện tốt các nội dung trong Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030. Phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hải Dương đảm bảo quy mô, cơ cấu, chất lượng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp; cung ứng lao động có chất lượng, tay nghề cao cho vùng và cho các nước. Phân đấu đào tạo lực lượng lao động có trình độ, có kỹ năng, kỹ thuật, tác phong công nghiệp, văn hóa và ý thức kỷ luật cao để xây dựng Hải

Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030.

7. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

- Phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh của Nhân dân. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, không gian, kiến trúc văn hóa làng, xã nông thôn truyền thống; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hóa mới. Trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng tiêu biểu trên địa bàn tỉnh, nhất là khu di tích Quốc gia đặc biệt Côn Sơn - Kiếp Bạc.

Phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của Nhân dân. Xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc trưng của nền văn minh Sông Hồng. Xây dựng mới Bảo tàng tỉnh, Nhà hát Chèo xứ Đông và Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh. Nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất tại các thiết chế văn hóa như trung tâm văn hóa, thư viện, rạp chiếu phim,...

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế thể thao. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, phổ cập và hiện đại; hỗ trợ người dân ứng phó hiệu quả trước các rủi ro về kinh tế - xã hội và môi trường. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về ưu đãi người có công, giảm nghèo bền vững, trợ giúp xã hội; quan tâm, tạo điều kiện để các đối tượng yếu thế tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc trẻ em, giảm nghèo, trợ giúp xã hội, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, chủ động phòng, chống các loại dịch bệnh; tiếp tục duy trì tốt công tác phòng, chống dịch bệnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho các cơ sở y tế tuyến huyện, xã; đồng thời, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội hóa, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào hoạt động y, dược tư nhân. Thực hiện chuyển đổi số trong ngành y tế, lập hồ sơ

sức khỏe điện tử cho toàn dân. Nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh; tập trung đầu tư cho một số chuyên khoa sâu tại bệnh viện tuyến tỉnh. Có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư xây dựng một số bệnh viện chất lượng cao tại tỉnh; ổn định và thu hút đội ngũ bác sĩ, dược sĩ đại học có trình độ chuyên môn cao về tỉnh làm việc lâu dài. Quan tâm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số, công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm đảm bảo nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

8. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phát triển kinh tế đi đôi với tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai, nước. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế nền tảng, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế. Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững đất đai, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất nông nghiệp cho các mục đích phi nông nghiệp; bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nghiêm việc giao đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài theo đúng quy định của pháp luật trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo đảm tính nghiêm minh về pháp lý đối với quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân; xác định giá trị quyền sử dụng đất theo cơ chế thị trường thông qua đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, thỏa thuận mua bán trên thị trường; rà soát, điều chỉnh khung giá quyền sử dụng đất phù hợp với thị trường của tỉnh và vùng phụ cận.

- Từng bước hiện đại hóa cơ sở dữ liệu địa chính của tỉnh. Khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý đối với dự án không đúng quy hoạch, sai mục đích, chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng; lãnh mạnh hóa thị trường bất động sản.

- Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên. Áp dụng các giải pháp tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học nhằm dựa vào thiên nhiên để phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; giải quyết các sự cố, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa, đất rừng để đảm bảo an ninh lương thực, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững theo quy định của pháp luật

- Bảo đảm an ninh, an toàn nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Huy động nguồn lực hỗ trợ chuyển đổi năng lượng và thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó có bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, với chi phí phù hợp nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng.

- Tập trung giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại các đô thị, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô và các làng nghề khu vực nông thôn. Kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, đông dân cư. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo phân cấp quản lý, áp dụng các công cụ kinh tế và hành chính trong quản lý bảo vệ môi trường.

- Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt quy chuẩn môi trường. Tổ chức thực hiện tốt nội dung Đề án “Xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”; tập trung đẩy nhanh tiến độ, đưa vào hoạt động các khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải, ưu tiên áp dụng công nghệ tiên tiến, tiêu hao ít năng lượng, phát thải thấp.

9. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Phối hợp thực hiện có hiệu quả các quy hoạch trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Quản lý bảo vệ chặt chẽ các công trình quốc phòng và khu quân sự, điểm cao, khu vực địa hình có giá trị về quốc phòng; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ. Xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc trên nền tảng thế trận lòng dân.

- Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, không bị động, bất ngờ. Chủ động phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, phản động. Bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh; giữ vững môi trường an ninh, an toàn, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực; bảo đảm an ninh trật tự trong các khu công nghiệp, doanh nghiệp FDI; bảo đảm an ninh công nhân; bảo vệ bí mật nhà nước. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các tình huống, các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống; phòng ngừa, trấn áp và xử lý hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, trong đó: tập trung thực hiện tốt nội dung Đề án “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Hải Dương thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”, Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng công an xã, phường, thị trấn. Quan tâm xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, làm nòng cốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng thôn làng, tổ dân, khu phố.

- Phát huy tối đa vị thế, lợi thế trong công tác đối ngoại để đa dạng hóa đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Gắn kết các hoạt động đối ngoại với việc thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; chủ động, tích cực tham gia các sáng kiến liên kết, kết nối với các tỉnh trong cả nước, các địa phương thuộc các nước trong khu vực và quốc tế. Tăng cường giao lưu nhân dân, thúc đẩy, triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đã ký kết. Tăng cường vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư có chất lượng (như FDI, ODA...) theo mục tiêu phát triển bền vững. Đa dạng hóa hoạt động với các đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do.

10. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Kiên quyết xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm; bố trí, sắp xếp, chuyển đổi vị trí công tác khác đối với những cán bộ, đảng viên không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tụy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, duy trì và nâng cao các chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện mô hình chính quyền các cấp, phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn.

- Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động tổ chức chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

1.1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ, Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 27/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động này. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, ban hành chương trình, kế hoạch chi tiết để thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình, trong đó: xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

1.2. Chủ động triển khai, tổ chức thực hiện, kịp thời tham mưu, xử lý các vấn đề phát sinh; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện của ngành, địa phương, cơ quan và đơn vị mình.

1.3. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (theo yêu cầu của công tác quản lý Nhà nước) tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 27/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo nhiệm kỳ, trong đó cần xây dựng và ban hành ngay Kế hoạch hành động triển khai thực hiện giai đoạn 2023-2025 và Kế hoạch triển khai thực hiện các công trình trọng điểm (*hoàn thành xong trước ngày 20/3/2023*); là cơ quan đầu mối, giúp

UBND tỉnh theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch hành động phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của các ngành, địa phương, đơn vị; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất tổng hợp kết quả thực hiện chung và báo cáo UBND tỉnh; tham mưu, đề xuất những vấn đề phát sinh (nếu có) cần chỉ đạo giải quyết trong tổ chức thực hiện Chương trình hành động này.

3. Đề nghị các cơ quan của Đảng, HĐND các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hải Dương, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã tổ chức đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Chương trình hành động này. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo theo thẩm quyền; kiểm tra, giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội; đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động này.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Hải Dương và các cơ quan truyền thông, thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tới các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng nhân dân; tạo sự đồng thuận, thống nhất, quyết tâm và nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hải Dương;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, CV. Việt Cường (15b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Thế Hùng